

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 76/2018/DS-ST

Ngày 12 - 11 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông T Văn Lộc.

Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần Trường T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 2, ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T4, sinh năm 1994; địa chỉ: 348 X, Khu phố Y, Phường Z, thành phố T5, tỉnh Tây Ninh. (văn bản ủy quyền ngày 07/6/2018). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Công T6, sinh năm 1963 và bà Sơn Thị Kim N, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2018, lời khai có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 24/6/2016 âm lịch (27/7/2016 dương lịch) ông T có cho vợ chồng ông T6 bà N vay số tiền 95.000.000 đồng qua hai lần, cụ thể:

Lần 1: 80.000.000 đồng.

Lần 2: 15.000.000 đồng.

Sau khi vay vợ chồng ông T6 bà N có thể chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00411/005588.CN.VP được Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 23/12/2010 và hẹn sẽ hoàn trả tiền vào ngày 24/12/2016 âm lịch (ngày 21/01/2017 dương lịch) cho ông T.

Đến hạn trả nợ, ông T nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T6 bà N trả cho ông T số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng nhưng ông T6 bà N luôn né tránh. Đến nay, vợ chồng ông T6 bà N chưa thanh toán cho ông T bất kỳ khoản nợ nào và cố ý né tránh nghĩa vụ.

Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Phạm Công T6 và bà Sơn Thị Kim N trả cho ông số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng, không tính lãi; ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00411/005588.CN.VP được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23/12/2010 cho ông Phạm Công T6 và bà Sơn Thị Kim N.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập vợ chồng ông T6 bà N đến để giải quyết vụ án nhưng vợ chồng ông T6 bà N đều vắng mặt không rõ lý do nên không có ý kiến của vợ chồng ông T6 bà N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Phạm Công T6 và bà Sơn Thị Kim N trả cho ông số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00411/005588.CN.VP được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23/12/2010 cho ông Phạm Công T6 và bà Sơn Thị Kim N; ông Phạm Công T6 và bà Sơn Thị Kim N có nơi cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên đây là tranh chấp về dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ và giấy vay tiền ngày 24.6.2016 Al được nguyên đơn cung cấp, vợ chồng ông T6 bà N có vay tiền của ông Nguyễn Trần Trường T số tiền 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng, thời hạn trả là ngày 24/12/2016 âm lịch, do vợ chồng ông T6 bà N viết và ký tên, không ghi mục đích vay, không ghi lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vợ chồng ông T6 bà N vắng mặt, không cung cấp cho Tòa án những chứng cứ chứng minh vợ chồng ông T6 bà N đã trả tiền cho ông T mặc dù đây là nghĩa vụ của vợ chồng ông T6 bà N. Do đó việc vay tài sản này là có thật, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi; việc giao dịch vay tiền giữa ông T và vợ chồng ông T6 bà N được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật. Do đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi, đến hạn vợ chồng ông T6 bà N không trả nợ nên vợ chồng ông T6 bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, vợ chồng ông T6 bà N phải trả số tiền gốc 95.000.000 đồng cho ông T là có căn cứ theo quy định Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Khi vay vợ chồng ông T6 bà N có đưa cho ông T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00411/005588.CN.VP được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23/12/2010 để làm tin, ông T và vợ chồng ông

T6 bà N không làm hợp đồng thế chấp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013 và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP của Chính phủ, ông T đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00411/005588.CN.VP cho vợ chồng ông T6 bà N nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ và Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần Trường T đối với ông Phạm Công T6 và bà Sơn Thị Kim N.

Buộc ông Phạm Công T6 và bà Sơn Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trần Trường T số tiền số tiền gốc là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu) đồng; ghi nhận ông Nguyễn Trần Trường T không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Trần Trường T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Công T6 và bà Sơn Thị Kim N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00411/005588.CN.VP được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23/12/2010 do ông Phạm Công T6 và bà Sơn Thị Kim N đứng tên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Trần Trường T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Trần Trường T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.375.000 (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018531 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Ông Phạm Công T6 và bà Sơn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.750.000 (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thanh Bình